

Bản án số: 08/2021/KDTM-ST

Ngày: 14/6/2021

V/v: Tranh chấp HĐ vận tải hàng  
hóa

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Mỹ Thuận

Ông Phạm Thế Kỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận C

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận C : bà Lê Huyền Trang – Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân quận C .

Ngày 14 tháng 06 năm 2021, tại Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/TLST-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vận tải hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2021/QXXST-KDTM ngày 17 tháng 05 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 343/QĐST - KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Công ty TNHH P**

Địa chỉ: Tổ 14 khu 2, phố K, phường H, thành phố M, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn V – Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc C luật sư của Công ty Luật TNHH M – Có mặt

(Theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 2 năm 2020)

**Bị đơn: Công ty Cổ phần Q**

Trụ sở tại Tầng 14 Tòa nhà D, số 302, đường C , quận C , thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Ngọc P - Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy K – Có mặt.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28 tháng 10 năm 2020)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Đầu năm 2019, Công ty TNHH P có làm dịch vụ tạm nhập tái xuất hàng đông lạnh cho Công ty TNHH V có địa chỉ tại Unit B, 7 / F, Gemstar Towe, 23 M, H, K, Hongkong. Cụ thể, Công ty TNHH P làm thủ tục tạm nhập lô hàng thịt bò đông lạnh, cuống tim bò đông lạnh, dạ sách bò đông lạnh và gân bò đông lạnh cho Công ty TNHH V với tổng trọng lượng là: 28.000,05 kg (Hai mươi tám ngàn phẩy không năm kilogam) vào ngày 22/3/2019; 24.370,00 kg (Hai mươi tư ngàn ba trăm bảy mươi kilogam) vào ngày 12/4/2019; 27989,03 kg (hai mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi chín phẩy không ba kilogam ) vào ngày 22/4/2019. Đầu tháng 01/2020, Công ty TNHH P làm thủ tục tái xuất chuyển hàng hóa quốc tế để thực hiện việc vận chuyển lô hàng này sang Hongkong.

Ngày 03/01/2020, Công ty TNHH P làm việc với bộ phận xuất hàng của Công ty Cổ phần Q để vận chuyển 01 lô hàng (thực phẩm đông lạnh), số lượng hàng này được đóng vào 03 Container 40'RH xuất khẩu từ Hải Phòng đi HongKong. Kí hiệu các container lần lượt như sau: FSC05715120 SJJC096001; FSCU574870 SJJC096003 và CXRU1579947 SJJC096008.

Ngày 07/01/2020, Công ty Cổ phần Q đồng ý vận chuyển lô hàng thực phẩm đông lạnh cho Công ty TNHH P và Công ty TNHH P cũng đã thực hiện đầy đủ các bước chỉ định của Công ty Cổ phần Q để công việc vận chuyển đúng kế hoạch.

Ngày 09/01/2020, Công ty Cổ phần Q cấp cho Công ty P vận đơn đường biển mang số hiệu TICOEX – 0006.

Ngày 11/01/2020, Công ty TNHH P gửi thông báo bằng Email cho bộ phận hàng xuất của Công ty Cổ phần Q với nội dung: “ *Khi nào Công ty TNHH P xác nhận bằng văn bản về việc đồng ý làm điện giao hàng cho lô hàng TICOEX - 0006 thì công ty TICO LOGISTICS mới được làn điện giao hàng cho khách hàng của Công ty TNHH P tại HongKong* ”

Sau khi hàng cập cảng tại HongKong, mặc dù phía Công ty TNHH P chưa có văn bản xác nhận về việc đồng ý làm điện giao hàng nhưng phía Công ty Cổ phần Q vẫn thực hiện việc giao hàng cho bên thứ ba tại cảng HongKong. Công ty Cổ phần Q tự ý giao hàng cho bên thứ ba tại Hongkong khi chưa được sự đồng ý của Công ty TNHH P là gây thiệt hại lớn cho Công ty TNHH P.

Trước thời điểm làm thủ tục tái xuất lô hàng trên, Công ty TNHH V còn nợ Công ty TNHH P toàn bộ các chi phí như: Phí chứng từ hãng tàu, Phí lưu công cảm điện, phí vận tải hàng hóa từ cảng về kho ngoại quan, từ kho ngoại quan đi các cửa khẩu và ngược lại ... với tổng số tiền là: 120 vạn nhân dân tệ (Tương đương với số tiền là : 3.955.740.000 đồng) .

Tại thời điểm Công ty TNHH P làm thủ tục tái xuất lô hàng trên, Công ty TNHH V mới thanh toán cho Công ty TNHH P số tiền là: 80 vạn tệ (Tương đương với số tiền là: 2.637.160.000 đồng) và còn nợ Công ty TNHH P số tiền là: 40 vạn tệ (Tương đương với số tiền là : 1.318.580.000 đồng. Khi Công ty TNHH V thanh toán cho Công ty TNHH P toàn bộ số tiền nợ còn lại thì Công ty TNHH P mới đồng ý làm điện giao lô hàng TICOEX - 0006 cho phía Công ty TNHH V.

Tuy nhiên, Công ty TNHH P chưa có văn bản xác nhận về việc đồng ý làm điện giao hàng nhưng phía Công ty Cổ phần Q vẫn thực hiện việc giao hàng dẫn đến việc Công ty TNHH L không còn bất cứ một ràng buộc pháp lý nào để có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNHH P số công nợ còn lại. Công ty TNHH P đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty TNHH L phải thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ nhưng phía Công ty TNHH L đều từ chối, đến thời điểm hiện tại thì Công ty TNHH P đã không còn có thể liên hệ được với người đại diện của Công ty TNHH L được. Điều này đồng nghĩa với việc Công ty TNHH P đã mất toàn bộ số tiền phí dịch vụ chính là số tiền nợ trước đó 40 vạn tệ tương đương số tiền 1.318.580.000 đồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 1.318.580.000 (Một tỷ ba trăm mười tám triệu năm tám tám mươi nghìn) đồng cho bị đơn.

Kể từ thời điểm phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty Cổ phần Q vẫn không tự nguyện thanh toán khoản tiền bồi thường thì Công ty Cổ phần Q còn phải chịu một khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước do việc chậm thanh toán.

Ngoài yêu cầu trên, Công ty TNHH P không còn yêu cầu nào khác.

**Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:**

Công ty Cổ phần Q được phép kinh doanh vận tải. Ngày 03/01/2020, Công ty TNHH P làm việc với bộ phận xuất hàng của Công ty Cổ phần Q để vận chuyển 01 lô hàng ( thực phẩm đông lạnh), số lượng hàng này được đóng vào 03 Container 40'RH xuất khẩu từ Hải Phòng đi HongKong. Kí hiệu các container lần lượt như sau: FSC05715120 SJJC096001; FSCU574870 SJJC096003 và CXRU1579947 SJJC096008.

Ngày 07/01/2020, Công ty Cổ phần Q đồng ý vận chuyển lô hàng thực phẩm đông lạnh cho Công ty TNHH P.

Ngày 09/01/2020, Công ty Cổ phần Q cấp cho Công ty P vận đơn đường biển mang số hiệu TICOEX – 0006. Công ty TNHH V là người nhận hàng hợp pháp của số hàng hóa được vận chuyển theo Vận đơn đích danh TICOEX - 0006 .

Công ty Cổ phần Q có nghĩa vụ trả hàng cho người nhận hàng hợp pháp của Vận đơn đích danh TICOEX - 0006 là Công ty TNHH V khi hàng đến cảng và Công ty TNHH V có chứng từ vận chuyển.

Do Vận đơn TICOEX - 0006 là vận đơn đích danh. Công ty TNHH P không có bất kỳ động thái nào để cam kết về việc bồi thường mọi tổn thất và chi phí liên quan cũng như thu lại vận đơn nên Công ty Cổ phần Q không có nghĩa vụ thực hiện bất kỳ yêu cầu nào được Công ty TNHH P đưa ra khi yêu cầu đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần Q.

Trên thực tế, theo thông tin Nguyên đơn là Công ty TNHH P cung cấp, lô hàng được vận chuyển theo Vận đơn đích danh TICOEX - 0006 lô hàng không thuộc sở hữu của nguyên đơn mà nguyên đơn chỉ là đơn vị tạm nhập tái xuất thường xuyên của Công ty TNHH V. Người nhận hàng hợp pháp là Công ty TNHH V chịu trách nhiệm thanh toán phí vận tải đường biển đối với Vận đơn nêu trên thể hiện tại phần “ Cước và Phí ” (Freight & Charges) của Vận đơn đích danh TICOEX - 0006 ghi rõ: Người nhận trả cước ( FREIGHT COLLECT )

Cũng theo nội dung của Vận đơn do Nguyên đơn cung cấp nêu trên, hàng hóa được vận chuyển là thực phẩm đông lạnh, một loại hàng hóa cần điều kiện lưu trữ đặc biệt, tốn kém và rất dễ hư hỏng. Trong trường hợp, hàng hóa thực phẩm này bị hư hỏng, ôi thiu ... có thể sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cả về tài sản cũng như sức khỏe, tính mạng con người.

Như vậy, việc Nguyên đơn – người không hề thanh toán cước phí vận tải cho lô hàng, người không sở hữu lô hàng và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với việc lưu trữ và chất lượng của lô hàng cho rằng chỉ bằng việc trao đổi qua thư điện tử mà bị đơn phải làm trái các quy định pháp luật, gây tổn hại đến quyền và tài sản của người nhận hàng hợp pháp là Công ty TNHH V và có nguy cơ phải chịu các chi phí lưu kho hàng hóa đắt đỏ khi giữ hàng.

Nguyên đơn cũng không cung cấp được bất kỳ một Hợp đồng hoặc Thỏa thuận hợp pháp nào giữa Nguyên đơn và Công ty TNHH V, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để làm cơ sở cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH V đối với khoản tiền 120 vạn Nhân dân tệ cho nguyên đơn.

Bị đơn không đồng ý thanh toán đối với yêu cầu bồi thường số tiền 40 vạn tệ tương đương với số tiền 1.318.580.000 (một tỷ ba trăm mười tám triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng cho Công ty TNHH P.

Đối với khoản lãi suất chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước ban hành mà Công ty TNHH P yêu cầu kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần Q không đồng ý thanh toán.

Quá trình giải quyết, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân quận C có công văn số 04/YC – VKS – DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ tư cách của công ty TNHH Phomg Vượng đối với lô hàng đông lạnh đã thuê Công ty Cổ phần Q vận chuyển cho bên thứ ba là Công ty TNHH V, thu thập Hợp đồng vận chuyển giữa nguyên đơn và bị đơn để làm rõ trong Hợp đồng vận chuyển các bên thỏa thuận về phương thức trao đổi thông tin về vận chuyển hàng hóa, đồng thời yêu cầu các bên giải thích thuật ngữ “ làm điện”.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng, cần rút kinh nghiệm về việc quá thời hạn xét xử. Các đương sự đã thực hiện được quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Q bồi thường số tiền 1.318.580 đồng và lãi suất chậm thanh toán và buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 05 tháng 08 năm 2020, Công ty TNHH P khởi kiện Công ty Cổ phần Q yêu cầu Công ty Cổ phần Q bồi thường cho Công ty TNHH P số tiền 40 vạn tệ tương đương 1.318.580.000 (một tỷ ba trăm mười tám triệu năm trăm tám mươi triệu) đồng. Quan hệ pháp luật trong vụ án trên xác định là tranh chấp hợp đồng

vận tải hàng hóa bằng đường biển được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Khoản 1 điều 146, khoản 2 điều 148 Bộ luật Hàng Hải

Về thẩm quyền của Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án nhân dân quận C đưa Công ty TNHH L vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và xác định thẩm quyền của Tòa án. Tuy nhiên, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng vận tải hàng hóa, theo đó Công ty TNHH P và Công ty Cổ phần Q là hai doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc loại việc của Tòa án nhân dân cấp huyện. Công ty Cổ phần Q có trụ sở tại tầng 14, tòa nhà Discovery, số 302 C, quận C, thành phố Hà Nội, có đăng ký kinh doanh đối với Dịch vụ vận tải biển. Tòa án nhân dân quận C thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ của Viện kiểm sát nhân dân quận C : Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH P nêu rõ chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực kinh doanh của Công ty TNHH P là công ty tạm nhập tái xuất đối với 03 lô hàng đông lạnh cho Công ty TNHH V. Công ty TNHH P và Công ty Cổ phần Q đã hợp tác với nhau từ trước, trong việc vận chuyển đối với lô hàng đông lạnh, hai bên thỏa thuận với nhau không bằng văn bản mà thông qua trao đổi với nhau bằng lời nói. Vận đơn là bằng chứng của việc giao kết Hợp đồng của các bên. Hai bên cũng không có thỏa thuận phải nhận được mail đồng ý thì mới vận chuyển lô hàng trên cho Công ty TNHH V mà căn cứ theo vận đơn đích danh để vận chuyển cho công ty nhận hàng là Công ty TNHH V. Công ty TNHH P không thu hồi vận đơn đích danh, cũng không có thông báo về trách nhiệm chi phí đối với việc chậm giao hàng cho Công ty TNHH V như chi phí kho bãi, chi phí bảo quản.... nên căn cứ theo vận đơn đích danh Công ty Cổ phần Q vận chuyển hàng cho người nhận là Công ty TNHH V. Thuật ngữ “Làm điện giao hàng” được nguyên đơn giải thích là hành vi thể hiện thực hiện lệnh giao hàng cho Công ty TNHH L. Do vậy, yêu cầu xác minh của Viện kiểm sát nhân dân quận C đã được làm rõ tại phiên tòa. Viện Kiểm sát nhân dân quận C đã phát biểu quan điểm về quá trình tiến hành tố tụng và đường lối giải quyết vụ án. Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận C phù hợp với quy định của pháp luật

[3] Về hợp đồng vận chuyển: Công ty TNHH P là công ty tạm nhập tái xuất cho Công ty TNHH V. Công ty TNHH P đã thuê công ty Công ty Cổ phần Q để vận chuyển 01 lô hàng (thực phẩm đông lạnh), số lượng hàng này được đóng vào 03 Container 40'RH xuất khẩu từ Hải Phòng đi HongKong. Kí hiệu các container lần lượt như sau: FSC05715120 SJJ096001; FSCU574870 SJJ096003 và CXRU1579947 SJJ096008.

Ngày 07/01/2020, Công ty Cổ phần Q đồng ý vận chuyển lô hàng thực phẩm đông lạnh cho Công ty TNHH P.

Ngày 09/01/2020, Công ty Cổ phần Q cấp cho Công ty P vận đơn đường biển mang số hiệu TICOEX – 0006.

Ngày 11/01/2020 Công ty TNHH P gửi thông báo bằng Email cho bộ phận hàng xuất của Công ty Cổ phần Q với nội dung: “ *Khi nào Công ty TNHH P xác nhận bằng văn bản về việc đồng ý làm điện giao hàng cho lô hàng TICOEX - 0006 thì công ty TICO LOGISTICS mới được làm điện giao hàng cho khách hàng của Công ty TNHH P tại HongKong* ”

Như vậy, Công ty TNHH P và Công ty Cổ phần Q đã giao kết Hợp đồng vận chuyển hàng hóa, Hợp đồng chính là Vận đơn. Việc giao kết Hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, tuân theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 531 – Bộ luật dân sự, khoản 2 điều 148 Bộ luật Hàng Hải 2015.

Quá trình thực hiện Hợp đồng vận chuyển, Bì đơn đã cấp vận đơn TICOEX – 0006. Công ty TNHH P không thu hồi lại vận đơn gốc đã ký kết khi mà hàng đã xuất cảng tại Việt Nam để đến HONGKONG. Do vậy, Công ty Cổ phần Q thực hiện nghĩa vụ trả hàng cho người nhận hàng hợp pháp là Công ty TNHH V theo vận đơn gốc, vận đơn này là vận đơn đích danh cho Công ty TNHH V (Điều 162 - Bộ luật Hàng hải).

Xét thấy, Công ty TNHH P và Công ty Cổ phần Q không thỏa thuận về việc dừng giao hàng cũng như trách nhiệm của các bên khi vi phạm thỏa thuận dừng giao hàng khi hàng hóa đã xuất cảng. Mặt khác, Công ty TNHH P có quyền yêu cầu dỡ hàng trước khi tàu biển bắt đầu chuyến đi, thay đổi người nhận hàng hoặc cảng trả hàng sau khi chuyến đi đã bắt đầu với điều kiện phải bồi thường mọi chi phí liên quan. Người vận chuyển chỉ có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu của người giao hàng sau khi đã thu hồi lại toàn bộ vận đơn gốc đã ký phát. (Điều 165 – Bộ luật Hàng Hải).

Do vậy, Công ty Cổ phần Q giao hàng cho Công ty TNHH V là theo đúng thỏa thuận của hai bên trong quá trình vận chuyển hàng hóa, không vi phạm điều kiện vận chuyển hàng hóa đã thỏa thuận và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa. nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận cho đến thời điểm này các bên đều không nhận được bất kỳ khiếu nại nào về lô hàng trên từ Công ty TNHH L.

Công ty TNHH P yêu cầu Công ty Cổ phần Q phải bồi thường đối với khoản tiền thiệt hại là 1.318.580.000 (Một tỷ ba trăm mười tám triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng là giá trị khoản nợ mà Công ty TNHH P cho rằng Công ty TNHH V nợ Công ty TNHH P trước đó, theo nguyên đơn khoản nợ trên bao gồm chi phí kho

ngoại quan, chi phí hãng tàu, chi phí lưu công cẩu điện, phí vận tải từ cảng về kho ngoại quan và từ kho ngoại quan đi các cửa khẩu và ngược lại. Xét thấy, khoản nợ giữa Công ty TNHH V và Công ty TNHH P là một quan hệ pháp luật khác, Công ty TNHH P cần khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác để giải quyết nếu có yêu cầu. Khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu không phải là thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh từ việc giao hàng đối với lô hàng đông lạnh theo vận đơn mang số hiệu TICOEX – 0006.

Do vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại và khoản lãi chậm trả kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật của Công ty TNHH P đối với Công ty Cổ phần Q.

[4] Về án phí: Công ty TNHH P không được chấp nhận đơn khởi kiện nên phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.000.000 đồng + 3% x (1.318.580.000 – 800.000.000) đồng = 51.557.400 (năm mươi một triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm) đồng

Công ty Cổ phần Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Các bên có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 302, Điều 303, Điều 319 Luật Thương mại; 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 145, 146, 148, 162, 165 Bộ luật hàng hải.

Các điều 530, 531, 532, 534, 535, 538, 541 Bộ luật Dân sự.

Khoản 2 điều 301, điều 302, 303 Luật thương mại 2005

Nghị Quyết số 326 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty TNHH P đối với Công ty Cổ phần Q về số tiền 1.318.580.000 (một tỷ ba trăm mười tám triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi suất chậm thanh toán của Công ty TNHH P đối với Công ty Cổ phần Q theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước ban hành kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật



3. Án phí: Công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 51.557.400 (năm mươi một triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm) đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 3857 ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại thi hành án dân sự quận C là 25.718.700 (Hai mươi lăm triệu bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm) đồng, Công ty TNHH P còn phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.838.700 (Hai mươi lăm triệu tám trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm) đồng.

Công ty Cổ phần Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận CG;
- Chi cục THADS quận CG;
- Đương sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Khanh**